HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

■ ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO *

Tóm tắt: *Bảo lãnh phát hành chứng khoán là hoạt động kinh doanh chứng khoán có vai trò quan trọng nhưng chưa thực sự phát triển tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Sự chưa hoàn thiện của hành lang pháp lý điều chỉnh là một trong những nguyên nhân của thực trạng này. Bài viết này làm rõ một số hạn chế của quy định hiện hành về hình thức và nội dung hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán, trên cơ sở đó, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.*

Abstract: *Underwriting securities is a securities business activity that plays an important role but has not really developed in Vietnam's stock market. The incompleteness of the legal corridor is one of the reasons for this situation. This article clarifies some limitations of current regulations on the form and content of securities underwriting contracts, and on that basis, makes some recommendations for improvement.*

1. Một số hạn chế của quy định hiện hành về hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán

1.1. Sử dụng tên gọi chưa thể hiện đúng bản chất pháp lý của quan hệ bảo lãnh phát hành chứng khoán

Về bản chất pháp lý, hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán (BLPHCK) là một giao dịch phát sinh trong lĩnh vực thương mại đặc thù giữa hai chủ thể là tổ chức bảo lãnh và tổ chức phát hành. Các bên thực hiện hoạt động này trên nguyên tắc thỏa thuận và tự do ý chí. Theo đó, tổ chức bảo lãnh đồng ý cam kết thực hiện bảo lãnh cho đợt chào bán chứng khoán của tổ chức phát hành, đổi lại, tổ chức phát hành phải trả phí bảo lãnh. Mối quan hệ này được thể hiện dưới hình thức pháp lý là hợp đồng BLPHCK.

Luật Chứng khoán năm 2019 đã sử dụng tên gọi "cam kết bảo lãnh phát hành" để chỉ hợp đồng BLPHCK, đồng thời, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) còn ban hành mẫu biểu cam kết BLPHCK, trong đó quy định các nội dung tối thiểu cần phải có[1]. Thực chất, đây là các điều khoản của một hợp đồng. Có thể mục đích của nhà làm luật nhằm nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm ràng buộc của tổ chức bảo lãnh đối với tổ chức phát hành. Tuy nhiên, về mặt pháp lý, thuật ngữ này thể hiện không đúng bản chất pháp lý của quan hệ BLPHCK, dễ dẫn đến cách hiểu nhầm lẫn, coi đây là văn bản thể hiện ý chí đơn phương từ phía tổ chức bảo lãnh với nội dung cam đoan, bảo đảm thực hiện. Nói khác đi, đó là sự không thống nhất giữa hình thức và nội dung của quan hệ BLPHCK, cần được nhìn nhận như là một hạn chế, bất cập của pháp luật cần được hoàn thiện. Khoa học pháp lý và thông lệ pháp luật các nước trên thế giới đều sử dụng thuật ngữ "underwriting contract" hoặc "underwriting agreement", có nghĩa là hợp đồng BLPHCK hoặc thỏa thuận BLPHCK để chỉ văn bản

* Giám đốc pháp chế Công ty cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương

thỏa thuận về việc BLPHCK giữa tổ chức bảo lãnh và tổ chức phát hành.

1.2. Quy định về nội dung tối thiểu của hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán là cần thiết nhưng chưa bảo đảm quyền tự do hợp đồng của các bên

Trong cuốn sách chuyên khảo về pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu đã chỉ ra những nguyên tắc pháp lý cơ bản xây dựng pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, trong đó có nguyên tắc tự do kinh doanh và nguyên tắc bảo đảm sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường[2]. Hoạt động BLPHCK là hoạt động kinh doanh chứng khoán phức tạp và nhiều rủi ro, ẩn chứa mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các bên chủ thể tham gia. Việc pháp luật quy định nội dung tối thiểu của hợp đồng BLPHCK là sự cụ thể hóa nguyên tắc bảo đảm sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường. Đây là việc làm cần thiết, nhằm giúp các bên xác định được nội dung, quyền hạn, trách nhiệm và hậu quả pháp lý xảy ra trong quá trình thực hiện hoạt động BLPHCK. Vấn đề phát sinh ở cách thức sử dụng mẫu biểu để quy định nội dung tối thiểu cần có của hợp đồng BLPHCK[3] buộc các đối tượng áp dụng phải tuân thủ cả thể thức trình bày và việc quy định một số nội dung tối thiểu theo hướng quá chi tiết hoặc không thật sự cần thiết hoặc không hợp lý. Ví dụ như, điều khoản về quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định quá cụ thể trong khi các bên cần giới hạn tự do hơn để thỏa thuận phù hợp với đặc thù từng trường hợp. Hoặc không cần thiết phải chi tiết hóa thông tin về các bên tham gia hợp đồng hay quy định về thời hạn và phương thức thanh toán tiền thu được từ đợt chào bán không hợp lý trong điều kiện pháp luật yêu cầu tiền bán chứng khoán phải nộp vào tài khoản phong tỏa của tổ chức phát hành.

Theo đánh giá của tác giả, thực trạng trên phần nhiều thể hiện sự chưa cẩn thận trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật và quan điểm xem nhẹ vai trò quan trọng của loại tài liệu này từ phía nhà làm luật. Điều này cũng thể hiện việc Nhà nước còn can thiệp nhiều vào quyền tự do hợp đồng của các chủ thể trên thị trường, một nội dung của nguyên tắc tự do kinh doanh.

Trong pháp luật ngân hàng và pháp luật bảo hiểm, hai lĩnh vực có nhiều nét tương đồng với chứng khoán, nhà làm luật không ban hành mẫu biểu mà chỉ quy định nội dung tối thiểu của hợp đồng bảo hiểm và thỏa thuận tín dụng trong một điều khoản của văn bản pháp luật[4]. Nội dung tối thiểu bao gồm những điều khoản cơ bản, mang tính khái quát, giúp các bên nhận diện được nội dung, đồng thời, được tự do thỏa thuận trong khuôn khổ nhất định. Xem xét thêm pháp luật một số nước cho thấy, tại Mỹ, nơi được coi là một trong những thị trường có hoạt động bảo lãnh phát hành lâu đời và phát triển nhất hiện nay, pháp luật chứng khoán không quy định về nội dung tối thiểu của hợp đồng BLPHCK. Ủy ban Chứng khoán (SEC) công khai các hợp đồng BLPHCK đã được các bên ký kết và đệ trình trên trang thông tin điện tử như một cách hướng dẫn các chủ thể trên thị trường. Trong khi đó, nhà làm luật Trung Quốc lựa chọn cách quy định trong Luật Chứng khoán[4].

Như vậy, cách thức quy định về nội dung tối thiểu của hợp đồng BLPHCK đang là một bất cập của pháp luật hiện hành, cần được sửa đổi để bảo đảm quyền tự do hợp đồng cho các bên cũng như phù hợp với thông lệ thế giới.

1.3. Quy định về hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán và hoạt động chào bán chứng khoán làm cơ sở xác định và thực hiện quyền,

nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán còn bất cập

Thứ nhất, nhìn nhận ở mức độ tổng quát, quy định hiện hành về hoạt động BLPHCK chủ yếu gắn liền với hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng. Các nhà làm luật đang nhìn nhận hoạt động BLPHCK thiên về vai trò là hoạt động hỗ trợ cho chào bán chứng khoán ra công chúng hơn là hoạt động kinh doanh chứng khoán. Mặc dù về mặt lý thuyết và thực tế cho thấy, mức độ phổ biến và tất yếu của sự việc trên nhưng không có nghĩa, hoạt động BLPHCK đối với chào bán chứng khoán riêng lẻ không cần sự điều chỉnh của pháp luật chứng khoán, quyền lợi chính đáng của các bên trong quan hệ BLPHCK không cần được bảo vệ.

Thứ hai, nghiên cứu cụ thể quy định hiện hành cho thấy, còn một số hạn chế, bất cập liên quan đến việc xác định nội dung hợp đồng BLPHCK như:

- Vấn đề quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên trong quan hệ BLPHCK chưa được pháp luật ghi nhận đầy đủ nên chưa tạo cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các bên. Hình thức ghi nhận mới là mẫu biểu về hợp đồng BLPHCK, giá trị pháp lý không cao, trong khi những quyền và nghĩa vụ được ghi nhận không mang tính cơ bản, phản ánh đặc thù quan hệ BLPHCK. Chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn thấp, chưa đủ tính răn đe[6].

- Vấn đề về tổ hợp bảo lãnh gần như bị bỏ trống, ngoài quy định duy nhất về khái niệm tổ hợp bảo lãnh tại khoản 20 Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Những nội dung quan trọng liên quan đến tổ hợp bảo lãnh như cấu trúc tổ hợp, cơ chế hoạt động, quyền và nghĩa vụ của từng loại thành viên tổ hợp, nội dung và thời điểm ký kết hợp đồng giữa các tổ chức bảo lãnh để thành lập tổ hợp, mức độ tham gia quyết định việc thành lập tổ hợp của tổ chức phát hành… chưa được đề cập. Các chủ thể rơi vào tình trạng lúng túng khi xác định quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức bảo lãnh chính và của các thành viên khác đối với tổ chức phát hành trong quan hệ hợp đồng BLPHCK. Liệu trong trường hợp tổ chức bảo lãnh chính vi phạm cam kết tại hợp đồng BLPHCK, tổ chức phát hành có quyền yêu cầu các thành viên khác trong tổ hợp thực hiện thay hay không, hoặc ngược lại, tổ chức bảo lãnh chính có phải chịu trách nhiệm thay cho thành viên khác trong tổ hợp không? Đối với tổ chức bảo lãnh chính, quy trình phối kết hợp với các thành viên tổ hợp được tiến hành như thế nào để bảo đảm thực hiện đúng cam kết tại hợp đồng BLPHCK? Một khi phạm vi quyền hạn, nghĩa vụ cụ thể của các bên trong quan hệ hợp đồng BLPHCK không được xác định rõ, tất yếu nảy sinh mâu thuẫn, tranh chấp trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng.

- Pháp luật chưa quy định rõ ràng về nội dung hoạt động BLPHCK. Ngoài việc thực hiện một trong ba phương thức bảo lãnh như đã nêu trong khái niệm BLPHCK[7] và nội dung tối thiểu của hợp đồng BLPHCK, các công việc khác thuộc nội dung hoạt động BLPHCK chưa được pháp luật đề cập (như định giá chứng khoán) hoặc có đề cập nhưng lại coi là các dịch vụ độc lập, không thuộc nội dung hoạt động BLPHCK. Quy định tại khoản 3 Điều 86 Luật Chứng khoán năm 2019 cho phép công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ BLPHCK được cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán, tư vấn chào bán..., đồng thời, yêu cầu phải hạch toán độc lập chi phí, doanh thu, lợi nhuận phát sinh với hoạt động BLPHCK[8]. Thực chất, "hoạt động BLPHCK bao gồm nhiều nội dung khác nhau như tổ chức lại doanh nghiệp, xác định giá trị

doanh nghiệp, hướng dẫn lựa chọn tổ chức kiểm toán, lập bản cáo bạch và thực hiện phương thức bảo lãnh. Dựa trên đó, công ty chứng khoán thực hiện những nội dung cụ thể theo yêu cầu của khách hàng như là từng công đoạn kinh doanh"[9]. Bên cạnh đó, các phương thức BLPHCK cơ bản đã được công nhận tại Việt Nam nhưng chưa được gọi tên theo thông lệ quốc tế, gây bất tiện cho các bên trong quá trình soạn thảo hợp đồng.

- Một số quy định về trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng liên quan đến trách nhiệm của tổ chức bảo lãnh chưa đầy đủ, thiếu hợp lý, vừa gây khó khăn cho tổ chức bảo lãnh khi triển khai thực hiện nhưng cũng vừa tạo cơ hội cho chủ thể này lợi dụng để xâm hại quyền lợi chính đáng của tổ chức phát hành. Điển hình là việc không có quy định về thời hạn và phương thức thực hiện cam kết bảo lãnh để xác định thời điểm tổ chức bảo lãnh phải thực hiện cam kết mua chứng khoán không bán hết và chuyển tiền mua chứng khoán cho tổ chức phát hành. Tiền mua chứng khoán có bắt buộc phải chuyển vào tài khoản phong tỏa của tổ chức phát hành hay không? Tiếp đến, quy định bắt buộc tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư phải nộp vào tài khoản phong tỏa của tổ chức phát hành ảnh hưởng đến quá trình nắm bắt thông tin về tình hình phân phối chứng khoán của tổ chức bảo lãnh, buộc các bên phải thực hiện thêm công đoạn trao đổi thông tin để đối chiếu, xác định kết quả phân phối, mất nhiều thời gian và nhân lực. Ngoài ra, việc nhà làm luật căn cứ vào dấu hiệu "bảo đảm người mua chứng khoán tiếp cận bản cáo bạch..."[10] để tính thời điểm bắt đầu phân phối chứng khoán khá mơ hồ và khó xác định.

2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán

2.1. Về hình thức của hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán

Nhà làm luật nên thay thế việc sử dụng tên gọi "cam kết bảo lãnh phát hành" bằng "hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán" hoặc "thỏa thuận bảo lãnh phát hành chứng khoán" để thể hiện đúng bản chất của một giao dịch thương mại và cũng phù hợp với thông lệ quốc tế. Đồng thời, nên áp dụng cách thức quy định về các nội dung tối thiểu của hợp đồng BLPHCK theo cách đang sử dụng cho hợp đồng bảo hiểm và thỏa thuận tín dụng. Pháp luật không ban hành mẫu biểu mang tính bắt buộc áp dụng như hiện nay mà chỉ quy định các nội dung tối thiểu của hợp đồng, đồng thời, hoàn thiện quy định pháp luật điều chỉnh các nội dung này nhằm tạo sự linh hoạt trong giới hạn hành lang pháp lý cụ thể, rõ ràng cho các chủ thể trong quá trình áp dụng.

2.2. Về nội dung của hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung tối thiểu của hợp đồng. Cần phải khẳng định rằng, pháp luật về hợp đồng nói chung đều có những ràng buộc nhất định đối với sự thỏa thuận của các chủ thể về nội dung hợp đồng. Những ràng buộc của pháp luật nhằm bảo đảm sự thỏa thuận của các bên không xâm hại tới những lợi ích mà pháp luật bảo vệ[11]. Pháp luật về hợp đồng trong lĩnh vực chứng khoán càng chịu sự ràng buộc nhiều hơn bởi tính chất phức tạp, khả năng quyền lợi dễ bị xâm phạm và mức độ ảnh hưởng lớn đến tính ổn định của thị trường. Do vậy, việc quy định nội dung tối thiểu của hợp đồng BLPHCK là cần thiết nhưng cần sửa đổi, bổ sung theo hướng chỉ quy định những điều khoản cơ bản, không được quá cụ thể, chi tiết. Một mặt, tạo sự linh hoạt nhất định cho các chủ thể trong quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng, mặt

khác, bảo đảm đầy đủ những nội dung quan trọng, làm cơ sở cho các bên có thể triển khai thực hiện. Theo đó, hợp đồng BLPHCK cần có những nội dung tối thiểu sau: (i) Thông tin về chủ thể: Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, người đại diện ký hợp đồng; (ii) Thông tin về chứng khoán được bảo lãnh: Tên, loại, mệnh giá, tổng số chứng khoán dự kiến chào bán, phương thức chào bán, thời gian dự kiến chào bán, giá chào bán dự kiến; (iii) Nội dung cam kết bảo lãnh: Phương thức bảo lãnh, tổng số lượng chứng khoán được bảo lãnh và số lượng chứng khoán được bảo lãnh của từng tổ chức bảo lãnh (nếu thành lập tổ hợp), giá chiết khấu; (iv) Phân phối chứng khoán: Thời gian phân phối dự kiến, thời gian đăng ký và nộp tiền đặt mua chứng khoán, thời gian chuyển giao chứng khoán cho nhà đầu tư; (v) Thực hiện cam kết mua chứng khoán được bảo lãnh: Trách nhiệm của mỗi bên trong việc phối hợp để xác định kết quả chào bán và số lượng chứng khoán thực tế tổ chức bảo lãnh phải mua, tổng số tiền mua, thời hạn và phương thức thanh toán tiền, thời hạn chuyển giao chứng khoán; (vi) Phí bảo lãnh: Cách tính phí bảo lãnh, thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán; (vii) Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên; (viii) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; (ix) Phương án xử lý và trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ; (x) Hiệu lực thi hành.

Thứ hai, cần nhìn nhận BLPHCK là hoạt động kinh doanh chứng khoán để ban hành các quy định điều chỉnh có tính bao quát có tính đến đặc thù trong từng phương thức chào bán, thay vì chỉ quy định thiên về việc BLPHCK cho phương thức chào bán ra công chúng như hiện nay, đó là:

- Cần phải ghi nhận một số quyền và nghĩa vụ quan trọng của các bên trong quan hệ BLPHCK để tạo cơ sở pháp lý vững chắc bảo vệ lợi ích chính đáng cho các bên. Ví dụ như, nghĩa vụ của tổ chức phát hành phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho tổ chức bảo lãnh hay nghĩa vụ của tổ chức bảo lãnh phải cung cấp thông tin về đợt chào bán và tổ chức phát hành đầy đủ và chính xác cho nhà đầu tư. Ngoài ra, phải làm rõ giới hạn trách nhiệm pháp lý của tổ chức bảo lãnh liên quan đến việc xác nhận vào hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng.

- Bổ sung quy định về tổ hợp bảo lãnh, làm rõ các vấn đề như cấu trúc tổ hợp, cơ chế hoạt động, quyền và nghĩa vụ của từng loại thành viên tổ hợp, nội dung và thời điểm ký kết hợp đồng giữa các tổ chức bảo lãnh để thành lập tổ hợp, mức độ tham gia quyết định việc thành lập tổ hợp của tổ chức phát hành…

- Quy định rõ nội dung hoạt động BLPHCK để làm cơ sở pháp lý cho các bên thực hiện, đồng thời, sử dụng tên gọi cho các phương thức bảo lãnh để thuận tiện cho các bên áp dụng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Mở rộng phạm vi áp dụng chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của tổ chức bảo lãnh khi thực hiện BLPHCK cho các đợt chào bán riêng lẻ, bên cạnh việc tăng mức độ xử phạt lên nhiều lần để tương xứng với lợi ích bất chính thu về hoặc mức độ thiệt hại xảy ra cho bên bị vi phạm và tính ổn định của thị trường.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng:

- Cho phép tổ chức bảo lãnh được mở tài khoản chuyên dụng tại ngân hàng để nhận tiền mua chứng khoán do nhà đầu tư nộp, đồng thời, bổ sung quy định về trách nhiệm của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phải gửi thông tin về kết quả đăng

ký mua cổ phiếu của cổ đông cho tổ chức bảo lãnh trong trường hợp chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Mục đích của quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức bảo lãnh chủ động nắm bắt được kịp thời tình hình đăng ký mua chứng khoán của nhà đầu tư mà không phụ thuộc thông tin báo lại từ tổ chức phát hành. Bên cạnh đó, để tránh tình trạng lạm dụng tiền của nhà đầu tư trong thời gian quản lý, cần yêu cầu tổ chức bảo lãnh không được phép sử dụng tiền mua này vào bất kỳ mục đích nào và phải thực hiện chuyển trả vào tài khoản phong tỏa của tổ chức phát hành trong thời gian nhất định tính từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Tại Thái Lan, nhà làm luật quy định rất rõ nội dung này. Theo đó, tiền mua chứng khoán sẽ được nộp vào tài khoản của bên chào bán hoặc của nhà bảo lãnh. Trường hợp nộp tiền vào tài khoản của nhà bảo lãnh, nhà bảo lãnh phải được trả lại cho bên chào bán trong khoảng thời gian và theo phương thức được chỉ định bởi Hiệp hội Các công ty chứng khoán Thái Lan với sự chấp nhận của Ủy ban Chứng khoán, trong mọi trường hợp không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chào bán, hoặc ngày cuối cùng trong trường hợp hủy đăng ký. Nếu không trả lại tiền đúng thời hạn, bên chào bán có quyền nhận lãi suất không dưới 7,5%/năm tính từ ngày sau khi thời hạn đó kết thúc. Tiền mua chứng khoán không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác ngoại trừ trả lại cho những người đăng ký không nhận được chứng khoán[12].

- Bổ sung quy định về thời hạn thực hiện cam kết mua chứng khoán của tổ chức bảo lãnh (thực chất là nghĩa vụ chuyển tiền mua chứng khoán bảo lãnh), tránh tình trạng không rõ ràng như hiện nay dễ dẫn đến sự mâu thuẫn, tranh chấp và thiệt hại cho các bên. Thời hạn này nên giới hạn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Thời hạn này đủ để tổ chức bảo lãnh thu xếp nguồn vốn cũng như bảo đảm cho tổ chức phát hành thực hiện nghĩa vụ báo cáo kết quả đợt chào bán trong thời hạn luật định (trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán). Trong mọi trường hợp, tiền mua chứng khoán của tổ chức bảo lãnh phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa của tổ chức phát hành và xác nhận số dư tài khoản phong tỏa nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm báo cáo kết quả chào bán phải bao gồm cả số tiền này.

- Sửa đổi quy định tính thời điểm bắt đầu được thực hiện phân phối chứng khoán theo hướng căn cứ vào sự việc bản cáo bạch đã được tổ chức bảo lãnh và tổ chức phát hành công bố tại các địa điểm ghi trong Bản thông báo phát hành. Mặt khác, cần quy định rõ thời hạn phân phối chứng khoán chỉ bao gồm việc đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư, không bao gồm thời hạn thực hiện cam kết mua chứng khoán của tổ chức bảo lãnh và thời hạn chuyển giao chứng khoán cho nhà đầu tư ❑

---

1. Điều 18 Luật Chứng khoán năm 2019, Mẫu số 04 và Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Phạm Thị Giang Thu, Một số vấn đề về pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán ở Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004, tr. 37.

3. Khoản 6 Điều 11, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

4. Điều 13 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010 và năm 2019) và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

5. Section 28, Securities Law of the People's Republic of China (revised 2019).

6. Điều 10 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Khoản 31 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019.

8. Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

9. Phạm Thị Giang Thu, Một số vấn đề về pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán ở Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004, tr.140.

10. Khoản 1, khoản 3 Điều 26 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 8 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

11. Bùi Ngọc Cường, Xây dựng và hoàn thiện pháp luật kinh tế nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh ở nước ta, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2001, tr. 87.

12. Điều 13, Điều 14 Thông báo số 27/2559 ngày 01/8/2016 của Ban Kiểm soát thị trường vốn về quy tắc, điều kiện và thủ tục bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cơ sở pháp lý về tổ chức...

(Tiếp theo trang 20)

động Việt Nam đã ban hành Quyết định số 2606/QĐ-TLĐ về chi hỗ trợ khẩn cấp cho đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 từ ngày 27/4/2021. Theo đó, kinh phí công đoàn đã được chi hỗ trợ đơn vị tuyến đầu chống dịch và đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; hỗ trợ cán bộ công đoàn tham gia công tác chống dịch Covid-19.

Ngày 09/8/2021, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quyết định số 3022/TĐ-TLĐ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2606/QĐ-TLĐ ngày 19/5/2021 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về chi hỗ trợ khẩn cấp cho đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 từ ngày 27/4/2021. Các mức chi hỗ trợ được quy định cụ thể, phù hợp với thực tế và kịp thời động viên được đơn vị tuyến đầu chống dịch và đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Thực tế từ nhiều năm qua, nguồn kinh phí công đoàn được thu chủ yếu là dành để chăm lo đời sống của đoàn viên công đoàn và người lao động cũng như tổ chức hoạt động phong trào. Đặc biệt, trong những hoàn cảnh khó khăn, nguồn kinh phí công đoàn càng phát huy tác dụng mạnh mẽ cho mục đích trên ❑

1. Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới.